TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **82/2019/HNGĐ – ST.**
Ngày: **07/3/2019.**
V/v: "***Xin ly hôn***".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày **07** tháng **3** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A. Tòa án nhân dân huyện , mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **354/2018/TLST – HNGĐ** ngày **04** tháng **12** năm **2018** về việc*"Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **20/2019/QĐST-HNGĐ** ngày **21** tháng **01** năm **2019** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm: **1992**;

Cư trú: số 397, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông **Võ Văn Tý,** sinh năm: **1986**;

Cư trú: số 937, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà L, ông T vắng mặt; Riêng bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/9/2018 với các tài liệu kèm theo, quá trình tố tụng tại Tòa án bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do mai mối, định đoạt được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 27/6/2012. Cuộc sống chung khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tình cảm yêu thương nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2012 hai vợ chồng ly thân nhau đến nay hai bên không liên lạc, hai gia đình không hàn gắn để chúng tôi tự giải quyết với nhau. Nay nhận thấy không còn tình cảm, có tiếp tục chờ đợi cũng không có kết quả nên bà L quyết định ly hôn.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông Võ Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án đã đến tận nhà ông đã

ghi lời khai nhưng ông cũng không có mặt nên tiến hành lập biên bản về việc không làm việc được với đương sự vào ngày 04/01/2019.

Chứng cứ thu thập được:

Ông Lê Minh H trình bày: Ông là hàng xóm, đồng thời cũng là họ hàng bên ngoại với bà L. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của bà L phát sinh khi hai vợ chồng cùng nhau lên TP. B làm công nhân, chủ yếu là do kinh tế, ông T – bà L liên tục gây cãi với nhau, nhiều lần bà L không chịu được nên về mẹ sống để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại, được hai bên gia đình hàn gắn nhưng vẫn không có thay đổi. Đến năm 2012, bà L và ông T ly thân nhau, từ đó đến nay ông T không liên lạc, gia đình hai bên không hàn gắn. Nay bà L quyết định ly hôn là do chờ đợi không có kết quả nên quyết định ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay bà L, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt, riêng bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về thủ tục tố tụng: Bà L xin được ly hôn với ông T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện An P, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A, tỉnh An Giang nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Mặc dù, Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông T và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc với bà L và chứng cứ thu thập được qua lời trình bày của ông H là hàng xóm của bà L, nhận thấy mâu thuẫn của ông, bà là thật sự trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ việc kết hôn theo ý nguyện của gia đình mà không có tình cảm dẫn đến việc không tìm được tiếng nói chung, khi xảy ra tranh cãi về vấn đề kinh tế nhưng không được hai bên gia đình hàn gắn dẫn đến gây cãi kéo dài, ông bà ly thân từ năm 2012 đến nay mà không hàn gắn được, đó là một khoản thời gian tương đối dài cho mối quan hệ tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu ly hôn của bà L là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà L và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có, tuy nhiên ông T vắng mặt nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này ông T có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung hoặc nợ chung và ông T có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010870 ngày 04/12/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2019) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

***Nơi nhận*:**
- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng